

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI  
KHOA LUẬT**

**NGUYỄN THỊ THU**

**PHÁP LUẬT VỀ THU TÍN DỤNG CỦA MỸ, TRUNG QUỐC  
VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI VIỆT NAM**

**Chuyên ngành: Luật Quốc tế  
Mã số: 60 38 60**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**Hà Nội – 2011**

*Công trình được hoàn thành tại:*

**KHOA LUẬT - ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Bùi Xuân Nhựt** .....

Phản biện 1: .....

.....  
.....  
.....

Phản biện 2: .....

.....  
.....  
.....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ họp tại Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi: ..... giờ ..... ngày ..... tháng..... năm.....

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

**Trung tâm tư liệu Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội**

**Trung tâm Thông tin Thư viện – Đại học Quốc gia Hà Nội**



## MỤC LỤC

Trang

Lời cam đoan .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
Mục lục .....	- 0 -
Danh mục các ký hiệu, các chữ viết tắt.....	5
<b>MỞ ĐẦU</b> .....	6
<b>Chương 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG THỨC THƯ TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ</b> .....	4
1.1. Thanh toán quốc tế và vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế.....	4
1.1.1. Sự hình thành hoạt động TTQT.....	4
1.1.2. Vai trò của hoạt động TTQT .....	4
1.2. Phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng.....	5
1.2.1. Quá trình hình thành phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng.....	5
1.2.2. Khái niệm về phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng .....	5
1.2.3. Đặc điểm của phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng .....	6
1.2.4. Các chức năng cơ bản của phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng.....	6
1.3. Những ưu điểm và hạn chế của phương thức Tín dụng chứng từ.....	7
1.3.1. Đối với nhà nhập khẩu.....	7
1.3.2. Đối với nhà xuất khẩu .....	8
1.3.3. Đối với Ngân hàng thương mại .....	8
1.4. Mối quan hệ pháp lý phát sinh giữa các bên tham gia thanh toán bằng Thư tín dụng .....	8
1.4.1. Các chủ thể tham gia quan hệ thanh toán tín dụng chứng từ .....	8
1.4.2. Mối quan hệ pháp lý giữa các bên tham gia thanh toán bằng Thư tín dụng .....	8
1.5. Vai trò của hệ thống pháp luật trong việc điều chỉnh hoạt động thanh toán bằng Thư tín dụng .....	8
1.5.1. Vai trò của hệ thống pháp luật.....	8
1.5.2. Hệ thống pháp luật quốc tế.....	9
1.5.3. Hệ thống pháp luật quốc gia.....	9
1.5.4. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.....	9
<b>Chương 2 – PHÁP LUẬT VỀ THANH TOÁN BẰNG THƯ TÍN DỤNG CỦA MỸ, TRUNG QUỐC</b> .....	10
2.1. Pháp luật về Thư tín dụng của Trung Quốc .....	10
2.1.1. Lý do lựa chọn nghiên cứu pháp luật về Thư tín dụng của Trung Quốc.....	10
2.1.2. Khái quát các quy định pháp luật của Trung Quốc về Thư tín dụng.....	10
2.1.3. Các quy định cụ thể của pháp luật Trung Quốc về Thư tín dụng .....	10
2.2. Pháp luật về Thư tín dụng của Mỹ.....	11
2.2.1. Lý do lựa chọn nghiên cứu pháp luật về Thư tín dụng của Mỹ.....	11
2.2.2. Khái quát các quy định pháp luật của Mỹ về Thư tín dụng .....	12
2.2.3. Các quy định cụ thể của pháp luật Mỹ về Thư tín dụng.....	12
2.3. Nhận xét chung về pháp luật Thư tín dụng của Mỹ và Trung Quốc.....	15

<b>Chương 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THƯ TÍN DỤNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ</b> .....	17
3.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về thanh toán bằng Thư tín dụng.....	17
3.1.1. Hoạt động thanh toán quốc tế ở Việt Nam.....	17
3.1.2. Pháp luật điều chỉnh phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng của Việt Nam.....	17
3.1.3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật quốc tế về Thư tín dụng trong các văn bản pháp luật Việt Nam.....	19
3.1.4. Nhận xét chung về thực trạng pháp luật về thanh toán bằng Thư tín dụng của Việt Nam ..	19
3.2. Một số khuyến nghị về việc hoàn thiện các quy định pháp luật về Thư tín dụng của Việt Nam trong thời gian tới.....	20
3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về Thư tín dụng tại Việt Nam .....	20
3.2.2. Những yêu cầu đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật về tín dụng chứng từ của Việt Nam .....	21
3.2.3. Một số khuyến nghị về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín dụng chứng từ tại Việt Nam.....	22
<b>KẾT LUẬN</b> .....	23
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO</b> .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>PHỤ LỤC 1</b> .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>
<b>PHỤ LỤC 2</b> .....	<b>Error! Bookmark not defined.</b>

## LỜI MỞ ĐẦU

Là một trong những phương thức TTQT, Thư tín dụng có những ưu điểm vượt trội so với các phương thức khác và ngày càng được sử dụng rộng rãi trong quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế. Với đặc điểm thanh toán dựa trên cơ sở bộ chứng từ phù hợp, với sự trợ giúp về mặt nghiệp vụ của Ngân hàng, Thư tín dụng góp phần bảo đảm cho các thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu nhận được tiền, được hàng nếu tuân thủ đúng và đầy đủ các điều kiện cam kết trong L/C.

Tại Việt Nam, phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng cũng được các doanh nghiệp lựa chọn trong kinh doanh ngoại thương nhưng vẫn chưa thực sự phổ biến vì Việt Nam chưa có một hệ thống pháp luật đồng bộ, riêng biệt về L/C mà các doanh nghiệp chủ yếu thực hiện dựa trên các quy tắc, tập quán quốc tế. Do đó, để tạo một hành lang pháp lý đầy đủ và toàn diện nhằm thúc đẩy hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế, góp phần đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp, Nhà nước ta cần phải xây dựng và hoàn thiện các quy phạm pháp luật về Thư tín dụng trên cơ sở kết hợp nhuần nhuyễn giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

Hiện tại, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về thanh toán quốc tế bằng Thư tín dụng, trong đó một số công trình nghiên cứu đã đề cập đến hệ thống pháp luật liên quan đến Thư tín dụng. Tuy nhiên, khía cạnh pháp lý về vấn đề này vẫn chưa được khai thác triệt để, chuyên sâu, đặc biệt, chưa có công trình nào tập trung nghiên cứu pháp luật liên quan đến Thư tín dụng của Mỹ, Trung Quốc – hai trong số những quốc gia có hệ thống pháp luật riêng về Thư tín dụng và có lượng hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu lớn nhất thế giới hiện nay.

Từ những lý do trên, việc nghiên cứu chuyên sâu về pháp luật của Mỹ, Trung Quốc về Thư tín dụng là một yêu cầu khách quan, có ý nghĩa và cần thiết trong giai đoạn hiện nay. Bởi vậy, học viên đã chọn đề tài “ *Pháp luật về Thư tín dụng của Mỹ, Trung Quốc và một số khuyến nghị đối với Việt Nam*” làm luận văn tốt nghiệp Cao học Luật tại trường Đại học quốc gia Hà Nội.

Ngoài phần Mở đầu và Kết luận, phần nội dung chính của Luận văn gồm 3 chương như sau:

**Chương 1:** Những vấn đề lý luận cơ bản về phương thức tín dụng chứng từ trong hoạt động TTQT.

**Chương 2:** Pháp luật về thanh toán bằng Thư tín dụng của Mỹ, Trung Quốc.

**Chương 3:** Thực trạng pháp luật Việt Nam về Thư tín dụng và một số khuyến nghị .

# CHƯƠNG 1 – NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ PHƯƠNG THỨC THU TÍN DỤNG CHỨNG TỪ TRONG HOẠT ĐỘNG THANH TOÁN QUỐC TẾ

## **1.1. Thanh toán quốc tế và vai trò của hoạt động thanh toán quốc tế**

### **1.1.1. Sự hình thành hoạt động TTQT**

Thông thường, một thương vụ được kết thúc bằng việc bên mua thanh toán, nhận hàng và bên bán giao hàng, nhận tiền theo các điều kiện quy định trong hợp đồng mua bán. Hai bên mua bán có thể thỏa thuận các phương thức thanh toán khác nhau như ứng trước, ghi sổ, chuyển tiền, nhờ thu hay tín dụng chứng từ, thông qua đó, người mua trả tiền còn người bán nhận tiền.

Như vậy, hoạt động TTQT được bắt nguồn từ hoạt động ngoại thương, và mục đích chính của hoạt động TTQT là để phục vụ cho hoạt động xuất nhập khẩu giữa các nước diễn ra một cách trôi chảy và hiệu quả.

Mặc dù đã ra đời từ lâu nhưng các hoạt động TTQT chỉ thực sự phát triển vào cuối thế kỷ 20 khi mà khối lượng mua bán, đầu tư và chuyển tiền quốc tế đạt đến một mức độ phát triển nhất định. Việc thanh toán qua ngân hàng đã thúc đẩy việc sử dụng các đồng tiền của mỗi nước để chi trả cho các hoạt động mua bán ngoại thương. Từ đó, TTQT dần trở thành một bộ phận không thể thiếu trong hoạt động kinh tế của các quốc gia ngày nay.

Từ các phân tích trên đây, khái niệm TTQT có thể được hiểu là việc thực hiện các nghĩa vụ chi trả và quyền hưởng lợi về tiền tệ phát sinh trên cơ sở các hoạt động ngoại thương giữa các tổ chức, cá nhân của hai hay nhiều quốc gia với nhau.

### **1.1.2. Vai trò của hoạt động TTQT**

#### **1.1.2.1. Đối với lĩnh vực ngoại thương**

Là một khâu cuối cùng của quá trình lưu thông hàng hóa giữa các quốc gia nhưng thanh toán lại là khâu có vai trò then chốt và mang tính chất quyết định đối với hoạt động ngoại thương. Hoạt động thanh toán được thực hiện nhanh chóng và thuận lợi sẽ thúc đẩy quá trình thu hồi vốn và lợi nhuận của các doanh nghiệp xuất, nhập khẩu, từ đó góp phần phát triển hoạt động ngoại thương của một quốc gia. Hoạt động ngoại thương phát triển sẽ giải quyết các nhu cầu trong nước về sản phẩm hàng hóa, dịch vụ mà sản xuất nội địa chưa đáp ứng được; đồng thời, cung cấp các sản phẩm mà nước ngoài còn thiếu và có nhu cầu sử dụng.

#### **1.1.2.2. Đối với lĩnh vực tài chính – ngân hàng**

TTQT không những làm tăng thu nhập của ngân hàng bằng những khoản phí, hoa hồng do khách hàng trả mà còn được tăng thêm nguồn vốn do khách hàng mở tài khoản hoặc ký quỹ tại ngân hàng, đồng thời ngân hàng có thể phát triển các nghiệp vụ khác như chiết khấu hối phiếu, cung cấp tín dụng tài trợ, bảo lãnh thanh toán cho khách hàng... TTQT gắn hoạt động của hệ thống ngân hàng nội địa với ngân hàng nước ngoài, với các tổ chức tài chính quốc tế, qua đó, giúp cho hệ thống ngân hàng của các nước chậm phát triển và những nước đang phát triển tiếp cận được hệ thống giao dịch thanh toán hiện đại, đồng thời củng cố và mở rộng quan hệ hợp tác giữa ngân hàng nước này với ngân hàng nước khác; mở rộng các hoạt động đầu tư trực tiếp và gián tiếp.

#### **1.1.2.3. Đối với quan hệ hợp tác quốc tế**

Trong điều kiện và xu thế hội nhập quốc tế, hoạt động kinh tế, thương mại; hoạt động tài

chính, ngân hàng; hoạt động ngoại giao, xã hội...luôn có mối quan hệ chặt chẽ, đan xen lẫn nhau. Trong quan hệ kinh tế, thương mại có chứa đựng quan hệ ngoại giao, chính trị xã hội và ngược lại. Nếu giải quyết tốt các mối quan hệ kinh tế, thương mại thì cũng đồng thời giải quyết tốt các quan hệ ngoại giao, xã hội.

Tóm lại, hoạt động TTQT có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế quốc dân, đó là: rút ngắn thời gian chu chuyển vốn, giảm bớt những rủi ro liên quan tới sự biến động của tiền tệ, tới khả năng thanh toán của bên mua, tạo điều kiện cho phát triển và mở rộng hoạt động ngoại thương; là khâu quan trọng trong quá trình mua bán hàng hóa, dịch vụ giữa những tổ chức, cá nhân thuộc những quốc gia khác nhau và nó là một mắt xích không thể thiếu trong dây chuyền hoạt động kinh tế [12].

## **1.2. Phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng**

### **1.2.1. Quá trình hình thành phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng**

Trong quá trình phát triển của mình, các phương thức thanh toán ngày một hoàn thiện từ những phương thức thanh toán cổ xưa như chuyên chở vàng bạc trên lưng ngựa và lạc đà để chi trả lẫn nhau giữa các nước thế kỷ XIII-XVII cho đến những phương thức thanh toán hiện đại ngày nay. Khi những nhà xuất khẩu (người bán) không thể tự mình thu lại, nhận lại các khoản tiền mặt, các khoản phải thu từ hối phiếu, kỳ phiếu, hóa đơn, séc và các giấy tờ có giá khác; họ phải ủy thác cho một bên thứ ba là Ngân hàng thực hiện việc thu tiền. Cũng tương tự như vậy đối với nhà nhập khẩu. Từ đó, các Ngân hàng và các bên ủy thác phải thỏa thuận cụ thể cách thức, nội dung và điều kiện để tiến hành thu và chuyển trả tiền hàng.

Mặc dù việc thu, nhận tiền đã được ủy thác cho Ngân hàng, nhưng do hàng hóa được mua hoặc bán ngoài lãnh thổ quốc gia, các giao dịch này trở nên phức tạp bởi rất nhiều lý do như: thời gian vận chuyển, rủi ro trên hành trình vận chuyển, các thủ tục hải quan, các quy định về xuất, nhập khẩu, quản lý ngoại tệ và một thực tế là người bán và người mua ở cách xa nhau. Thêm vào đó là hai bên có thể chưa bao giờ gặp gỡ nhau nên hoàn toàn lạ lẫm về thực trạng và sự trung thực trong kinh doanh của nhau. Do vậy, một nhu cầu cấp thiết đặt ra đó là cần có một phương thức thanh toán có thể đảm bảo lợi ích tốt nhất của các bên liên quan đồng thời khắc phục được các rủi ro trong quá trình diễn ra hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế. Để đáp ứng các yêu cầu về lợi ích nói trên, phương thức tín dụng chứng từ đã ra đời và được sử dụng ngày càng rộng rãi trong hoạt động ngoại thương, theo đó, bên xuất khẩu sẽ xuất trình cho ngân hàng các chứng từ chứng minh sự giao hàng, gửi hàng hóa theo yêu cầu, và nếu các chứng từ là đầy đủ và hợp lệ thì người bán sẽ được thanh toán.

Hình thành từ thế kỷ XIX-XX, phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng mang những ưu điểm vượt trội và trở thành phương thức thanh toán được sử dụng ngày càng rộng rãi trong hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế hiện nay.

### **1.2.2. Khái niệm về phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng**

Một cách khái quát, Phương thức tín dụng chứng từ là một sự thỏa thuận, trong đó, theo yêu cầu của khách hàng (người yêu cầu mở L/C), một ngân hàng (NHPH L/C) sẽ phát hành một bức thư, gọi là L/C (Letter of Credit), theo đó, NHPH cam kết trả tiền hoặc chấp nhận hối phiếu cho một bên thứ ba (người thụ hưởng L/C) khi người này xuất trình cho NHPH bộ chứng từ thanh



toán phù hợp với những điều kiện và điều khoản quy định của L/C [4].

Theo định nghĩa tại Điều 2 UCP 600 thì: *“Tín dụng chứng từ là bất cứ một sự thỏa thuận nào, dù được mô tả hoặc được gọi như thế nào, không thể hủy ngang và bằng cách đó tạo nên một cam kết chắc chắn của NHPH để thanh toán hoặc chiết khấu khi xuất trình phù hợp”*.

#### 1.2.2.1. Về tên gọi phương thức tín dụng chứng từ

Do có tính tùy ý về cách gọi, nên trong thực tế, có thể gặp rất nhiều thuật ngữ khác nhau được dùng để chỉ phương thức thanh toán tín dụng chứng từ bằng tiếng Anh và tiếng Việt như sau:

- Tiếng Anh: Letter of Credit (viết tắt là LC hoặc L/C); Credit; Documentary Credit (viết tắt DC hoặc D/C)...
- Tiếng Việt: Tín dụng thư (TDT); Thư tín dụng (TTD); Tín dụng chứng từ (TDCT)...

#### 1.2.3. Đặc điểm của phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng

##### 1.2.3.1. L/C là hợp đồng kinh tế hai bên

Trên thực tế, L/C là hợp đồng kinh tế độc lập giữa hai bên là NHPH và người thụ hưởng. Mọi yêu cầu và chỉ thị của người xin mở L/C đã do NHPH đại diện, do đó, tiếng nói chính thức của người yêu cầu mở L/C không được thể hiện trong L/C. Vì vậy, mặc dù một sửa đổi L/C đã được người xuất khẩu và người nhập khẩu đồng ý, nhưng nếu NHPH không chấp nhận thì sửa đổi đó sẽ không có giá trị thực hiện.

##### 1.2.3.2. Giao dịch tín dụng chứng từ là một giao dịch độc lập với Hợp đồng cơ sở và các giao dịch khác

Về bản chất, L/C là một giao dịch hoàn toàn độc lập với Hợp đồng ngoại thương hoặc hợp đồng khác (những hợp đồng là cơ sở hình thành giao dịch L/C). Trong mọi trường hợp, ngân hàng không bị ràng buộc bởi những hợp đồng này.

Một số nhà nhập khẩu không hiểu hoặc bỏ qua quy tắc này, khi gặp rủi ro trong giao dịch hợp đồng cơ sở đã khiếu nại và/hoặc ngăn cản việc ngân hàng thanh toán bộ chứng từ xuất trình phù hợp. Điều này là không phù hợp với thông lệ quốc tế.

##### 1.2.3.3. L/C chỉ giao dịch bằng chứng từ và thanh toán chỉ căn cứ vào chứng từ

Các chứng từ trong giao dịch L/C có tầm quan trọng đặc biệt, nó là bằng chứng về việc giao hàng của người bán, là đại diện cho giá trị hàng hóa đã được giao, do đó, chúng trở thành căn cứ để ngân hàng thanh toán, là căn cứ để nhà nhập khẩu hoàn trả tiền cho ngân hàng, là chứng từ đi nhận hàng của nhà nhập khẩu... Khi chứng từ xuất trình là phù hợp, thì NHPH phải thanh toán vô điều kiện cho nhà xuất khẩu, mặc dù trên thực tế hàng hóa có thể không được giao hoặc được giao không đúng như ghi trên chứng từ.

##### 1.2.3.4. L/C yêu cầu tuân thủ chặt chẽ

Vì giao dịch và thanh toán chỉ bằng chứng từ, nên yêu cầu tuân thủ chặt chẽ chứng từ là nguyên tắc cơ bản của giao dịch L/C. Để được thanh toán, người xuất khẩu phải lập được bộ chứng từ phù hợp, tuân thủ chặt chẽ các điều khoản và điều kiện của L/C.

#### 1.2.4. Các chức năng cơ bản của phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng

Dựa vào các phân tích trên đây, có thể thấy L/C mang một số chức năng cơ bản như sau:

##### 1.2.4.1. Chức năng thanh toán

Đây là một trong những chức năng cơ bản, quan trọng và thể hiện bản chất của L/C. Người

bán sẽ xuất trình bộ chứng từ đòi tiền theo L/C thông thường là những chứng từ xác nhận quyền sở hữu hàng hóa, chứng minh việc người bán hàng đã hoàn tất nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng đã ký với người mua. Trên cơ sở các chứng từ này, NHPH sẽ kiểm tra sự phù hợp của bộ chứng từ. Khi chứng từ hoàn toàn phù hợp với các nội dung của Thư tín dụng, ngân hàng sẽ thực hiện thanh toán cho người bán.

#### 1.2.4.2. Chức năng tín dụng

Thư tín dụng là văn bản thể hiện loại tín dụng do ngân hàng cung cấp cho người nhập khẩu và là sự cam kết trực tiếp của ngân hàng đối với nhà xuất khẩu. Tuy nhiên, thuật ngữ “Tín dụng – Credit” được dùng theo nghĩa rộng, tức là “tín nhiệm” chứ không phải để chỉ một khoản cho vay theo nghĩa thông thường. Điều này được thể hiện rõ trong trường hợp khi người nhập khẩu ký quỹ 100% giá trị của L/C, thì thực chất NHPH không cấp bất cứ một khoản tín dụng nào cho người mở L/C, mà chỉ cho người xuất khẩu “vay” sự tín nhiệm của mình. Ngay cả trong trường hợp nhà nhập khẩu không hề ký quỹ, thì một khoản tín dụng thực sự chỉ xảy ra khi NHPH tiến hành trả tiền cho nhà xuất khẩu và ghi nợ nhà nhập khẩu. Như vậy, thuật ngữ “Tín dụng” trong phương thức tín dụng chứng từ chỉ thể hiện khoản “tín dụng trừu tượng” bằng lời hứa trả tiền của ngân hàng thay cho lời hứa trả tiền của nhà nhập khẩu, vì ngân hàng có hệ số tín nhiệm cao hơn nhà nhập khẩu.

#### 1.2.4.3. Chức năng bảo đảm thanh toán

Khi đã lựa chọn phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng thì Tín dụng thư có tính chất quyết định trong hàng loạt các cuộc thương lượng, đàm phán, giữa bên mua và bên bán trong quan hệ thương mại, dịch vụ quốc tế. Trong quá trình thanh toán, ngân hàng không chỉ là người trung gian thu hộ, chi hộ mà còn đóng vai trò:

- Là người đại diện cho nhà nhập khẩu thanh toán tiền hàng cho nhà xuất khẩu, bảo đảm cho nhà xuất khẩu nhận được khoản tiền tương ứng với hàng hóa mà họ đã cung ứng.
- Là người bảo đảm cho nhà nhập khẩu nhận được số lượng và chất lượng hàng do bộ chứng từ đại diện và tương ứng với số tiền mình bỏ ra.

Từ đó, nhà nhập khẩu có cơ sở để tin chắc rằng, ngân hàng không trả tiền trước khi nhà xuất khẩu phải xuất trình bộ chứng từ gửi hàng. Trong khi đó, nhà xuất khẩu tin chắc rằng sẽ nhận được tiền hàng xuất khẩu nếu họ xuất trình cho NHPH bộ chứng từ đầy đủ và phù hợp với quy định của L/C.

Như vậy, về mặt hình thức, Tín dụng thư là cam kết trả tiền, nhưng về tổng thể và bản chất thì nó còn là vật bảo đảm cho việc thực hiện Hợp đồng thương mại, là sự Bảo lãnh của Ngân hàng đối với khoản nợ phát sinh từ quan hệ thương mại.

### 1.3. Những ưu điểm và hạn chế của phương thức Tín dụng chứng từ

#### 1.3.1. Đối với nhà nhập khẩu

Khi thanh toán bằng L/C, nhà nhập khẩu chỉ phải thanh toán khi nhận được bộ chứng từ phù hợp với các điều kiện và điều khoản của L/C. Nhà nhập khẩu sẽ nhận được sự trợ giúp về nghiệp vụ của Ngân hàng trong việc bảo đảm các điều kiện của L/C được tuân thủ, đồng thời dễ dàng được Ngân hàng tài trợ về vốn.

Tuy nhiên, vì ngân hàng chỉ giao dịch trên cơ sở chứng từ nên sẽ buộc phải thanh toán cho dù chất lượng hàng hóa trên thực tế là tốt hay xấu. Rủi ro sẽ thuộc về nhà nhập khẩu. Nếu nhà xuất

khẩu (người bán) có ý lập các chứng từ hàng hóa giả tạo, nhà nhập khẩu sẽ phải gánh chịu những thiệt hại do lừa đảo từ phía người bán.

#### 1.3.2. *Đối với nhà xuất khẩu*

Nhà xuất khẩu sẽ được Ngân hàng bảo đảm thanh toán khi tuân thủ các điều khoản, điều kiện của L/C và nhận được thanh toán một cách nhanh nhất. Ngoài ra, nhà xuất khẩu có thể sử dụng L/C như là một phương thức tài trợ cho xuất khẩu như: chiết khấu bộ chứng từ hay vay vốn ngân hàng bằng thế chấp bộ chứng từ...

Một trong những bất lợi đối với nhà xuất khẩu đó là việc thanh toán có thể bị trì hoãn, thậm chí bị từ chối thanh toán nếu không đáp ứng được những quy định của L/C.

#### 1.3.3. *Đối với Ngân hàng thương mại*

Khi thực hiện cung cấp dịch vụ thanh toán bằng Thư tín dụng, ngân hàng sẽ thu được một khoản phí dịch vụ nhất định, tạo điều kiện mở rộng tín dụng và bảo lãnh quốc tế kinh doanh ngoại tệ...

Tuy nhiên, ngân hàng cũng bị ràng buộc trách nhiệm đối với bên xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa, đồng thời cũng sẽ chịu rủi ro nếu bên nhập khẩu không trả tiền sau khi ngân hàng đã thanh toán cho bên xuất khẩu.

Mặc dù có thể xảy ra những bất lợi dẫn đến rủi ro kể trên nhưng so với các phương thức thanh toán khác, thanh toán bằng Thư tín dụng vẫn mang nhiều ưu điểm hơn cả. Thanh toán bằng L/C đã cân bằng quyền lợi và nghĩa vụ của các bên tham gia hợp đồng mua bán ngoại thương. Trong phương thức này, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên đan xen và ràng buộc lẫn nhau tạo nên sự đảm bảo và chắc chắn trong việc thanh toán. Hơn nữa, các ngân hàng tham gia không đơn thuần chỉ là trung gian thanh toán mà chính là những thành viên thực sự của quá trình thanh toán, là “người” cam kết trả tiền cho người bán thay người mua.

### **1.4. Mối quan hệ pháp lý phát sinh giữa các bên tham gia thanh toán bằng Thư tín dụng**

#### 1.4.1. *Các chủ thể tham gia quan hệ thanh toán tín dụng chứng từ*

1.4.1.1. Người yêu cầu mở L/C (Applicant)

1.4.1.2. Người thụ hưởng (Beneficiary)

1.4.1.3. NHPH (Issuing Bank)

1.4.1.4. NHTB (Advising Bank)

1.4.1.5. NHXN (Confirming bank)

1.4.1.6. NHđCĐ (Nominated bank)

#### 1.4.2. *Mối quan hệ pháp lý giữa các bên tham gia thanh toán bằng Thư tín dụng*

1.4.2.1. Mối quan hệ giữa người yêu cầu mở L/C và NHPH

1.4.2.2. Mối quan hệ giữa NHPH và người thụ hưởng

1.4.2.3. Mối quan hệ giữa NHTB và người thụ hưởng

1.4.2.4. Mối quan hệ giữa NHXN và người thụ hưởng

### **1.5. Vai trò của hệ thống pháp luật trong việc điều chỉnh hoạt động thanh toán bằng Thư tín dụng**

1.5.1. *Vai trò của hệ thống pháp luật*

*Một là*, tạo cơ sở pháp lý để các bên thực hiện tốt các quyền và nghĩa vụ của mình. Với đặc thù là một phương thức thanh toán có nhiều chủ thể tham gia, nên khi có tranh chấp hoặc rủi ro, thì có thể có nhiều chủ thể bị ảnh hưởng về vật chất hoặc bị liên quan về trách nhiệm pháp lý. Vì vậy, các quy định pháp luật đối với hoạt động thanh toán bằng L/C có vai trò rất lớn đối với các bên liên quan. Nó xác định rõ ràng, cụ thể trách nhiệm, quyền lợi, nghĩa vụ của mỗi bên tham gia. Nếu không có các quy định, quy chế thống nhất thì mỗi chủ thể có thể dẫn chiếu đến đặc điểm của nước mình mà cố tình vi phạm. Chính nhờ các quy tắc như UCP nên các bên tham gia đều phải chấp hành nghiêm chỉnh.

*Hai là*, tạo cơ sở pháp lý để giải quyết tranh chấp trong thanh toán L/C và hạn chế các rủi ro phát sinh. Thông thường, nếu có tranh chấp xảy ra, hai bên có thể trực tiếp giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải. Tuy nhiên, trường hợp việc thương lượng, hòa giải không có hiệu quả thì cần có một cơ chế pháp lý rõ ràng để giải quyết triệt để các tranh chấp. Các tranh chấp được giải quyết nhanh chóng dựa trên các quy định công khai, minh bạch sẽ góp phần hạn chế các rủi ro có thể phát sinh.

#### *1.5.2. Hệ thống pháp luật quốc tế*

##### *1.5.2.1. UCP và tính chất pháp lý của UCP*

##### *1.5.2.2. ISBP (International Standard Banking Practice for the Examination of Documents under Documentary Credit)*

##### *1.5.2.3. URR525 (Uniform Rules for Bank Reimbursement under Documentary Credit)*

##### *1.5.2.4. ISP98 (International Standby Practices)*

#### *1.5.3. Hệ thống pháp luật quốc gia*

##### *1.5.3.1. Các quốc gia không có luật riêng về tín dụng chứng từ*

##### *1.5.3.2. Các quốc gia và Luật về tín dụng chứng từ riêng biệt*

#### *1.5.4. Mối quan hệ giữa pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế*

Như vậy, có thể thấy, pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế về Thư tín dụng luôn cùng song song tồn tại để tạo nên một hành lang pháp lý đầy đủ và rõ ràng điều chỉnh phương thức thanh toán L/C trong quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế.

## **CHƯƠNG 2 – PHÁP LUẬT VỀ THANH TOÁN BẰNG THƯ TÍN DỤNG CỦA MỸ, TRUNG QUỐC**

### **2.1. Pháp luật về Thư tín dụng của Trung Quốc**

#### *2.1.1. Lý do lựa chọn nghiên cứu pháp luật về Thư tín dụng của Trung Quốc*

Là một quốc gia nằm ở khu vực Châu Á có nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới, hàng hóa của Trung Quốc đã và đang nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường tại nhiều quốc gia. Hàng năm, Trung Quốc cũng nhập khẩu một khối lượng hàng hóa lớn từ nước ngoài và trở thành một trong những nước có thể mạnh về xuất nhập khẩu hàng hóa của châu Á nói riêng và của thế giới nói chung.

Trước những kết quả mà Trung Quốc đã đạt được, Việt Nam – với những điểm tương đồng về lịch sử, kinh tế - chính trị và văn hóa có thể tham khảo các quyết sách về ngoại thương của Nhà nước Trung Quốc, từ đó đề ra những chủ trương đúng đắn, góp phần đáp ứng các yêu cầu phát triển hoạt động kinh tế đối ngoại của Việt Nam trong thời gian tới.

Xuất phát từ những luận điểm trên, người viết đã chọn pháp luật về Thư tín dụng của Trung Quốc là một trong những đối tượng nghiên cứu với mong muốn tìm hiểu những quy định cụ thể về vấn đề này, phân tích sự phù hợp trên cơ sở so sánh với UCP 600, từ đó rút ra bài học để vận dụng đối với Việt Nam.

#### *2.1.2. Khái quát các quy định pháp luật của Trung Quốc về Thư tín dụng*

Trước ngày 14-11-2005, Trung Quốc vẫn thuộc nhóm nước không có quy định riêng về tín dụng chứng từ trong. Tuy nhiên, sau khi Bản Quy tắc xét xử ra đời, thì cùng với UCP, một hành lang pháp lý đầy đủ và rõ ràng về việc giải quyết tranh chấp liên quan đến Thư tín dụng đã được thiết lập tại Trung Quốc.

Bản Quy tắc gồm 18 điều hướng dẫn cách thức xét xử các vụ kiện tụng, tranh chấp về Thư tín dụng theo một trình tự rõ ràng. Trong các tiểu mục dưới đây, tác giả sẽ tập trung phân tích Bản Quy tắc xét xử của Tòa án tối cao Trung Quốc trên cơ sở so sánh với các quy định của UCP 600 để dễ dàng đánh giá điểm tiến bộ và hạn chế của Bản Quy tắc này.

#### *2.1.3. Các quy định cụ thể của pháp luật Trung Quốc về Thư tín dụng*

##### *2.1.3.1. Vấn đề áp dụng UCP và pháp luật điều chỉnh*

Thông qua 03 điều của Bản Quy tắc xét xử, Tòa án tối cao Trung Quốc đã xác định một cách rõ ràng, cụ thể phạm vi áp dụng pháp luật để giải quyết các tranh chấp về tín dụng chứng từ. Đây là một điểm tiến bộ không thể phủ nhận của các nhà làm luật Trung Quốc trong việc cụ thể hóa các quy định của UCP, tạo thuận lợi cho các bên tham gia giao dịch Thư tín dụng, cũng như việc giải quyết tranh chấp của các Tòa án.

##### *2.1.3.2. Nguyên tắc độc lập của Thư tín dụng*

Nội dung này được quy định tại Điều 5 của Quy tắc xét xử hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 4 UCP 600 về Thư tín dụng và Hợp đồng. Theo đó, Thư tín dụng là một giao dịch độc lập với Hợp đồng cơ sở. NHPH phải có trách nhiệm thanh toán khi Bộ chứng từ xuất trình đã đáp ứng các điều khoản thỏa thuận trong Thư tín dụng trừ trường hợp có gian lận, lừa đảo theo Bản Quy tắc này.

##### *2.1.3.3. Về việc kiểm tra chứng từ và các sai sót*

Theo đó, trong quá trình xét xử những vụ tranh chấp liên quan đến sự phù hợp của chứng

từ xuất trình, Tòa án tối cao Trung Quốc sẽ tôn trọng sự thỏa thuận của các bên và công nhận các tiêu chuẩn kiểm tra chứng từ theo quy định của UCP và các quy tắc khác của ICC.

Tuy nhiên, căn cứ vào nguyên tắc xác định sự phù hợp chứng từ, Tòa án Trung Quốc có thể quyết định theo suy diễn mà xét xử kém công bằng để bảo vệ lợi ích cho công dân nước mình.

#### 2.1.3.4. Quyền độc lập của NPHH khi thực hiện kiểm tra chứng từ

Tòa án tối cao Trung Quốc đã quy định về các quyền độc lập của Ngân hàng trong việc kiểm tra chứng từ tại Điều 7 Quy tắc xét xử. Theo đó, NPHH có quyền và nghĩa vụ kiểm tra chứng từ một cách độc lập, quyền xác định sự phù hợp của chứng từ và quyền quyết định có chấp nhận sai sót hay không. Quy định này hoàn toàn phù hợp với Điều 16 UCP 600.

#### 2.1.3.5. Các trường hợp gian lận, lừa đảo và biện pháp ngăn chặn

Gian lận, lừa đảo là một trong những vấn đề thường xuyên xảy ra và gây nhiều tranh cãi trong thực tế áp dụng nhưng lại chưa được quy định trong UCP. Do đó, Tòa án Trung Quốc đã kịp thời bổ sung và ghi nhận nội dung này. Chỉ thông qua hai điều khoản (Điều 8 và Điều 9 của Quy tắc xét xử), quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan đến L/C trong trường hợp có gian lận, lừa đảo đã được xác định tương đối rõ ràng. Đồng thời, bản Quy tắc này cũng đề cập đến các biện pháp ngăn chặn thuộc thẩm quyền quyết định của Tòa án trong trường hợp này.

#### 2.1.3.6. Các ngoại lệ khi áp dụng biện pháp ngăn chặn gian lận, lừa đảo

Điều 10 của Quy tắc xét xử đã đưa ra những tình huống mà theo đó Tòa sẽ không ra lệnh đình chỉ hoặc chấm dứt nghĩa vụ thanh toán L/C nhằm bảo vệ quyền lợi cho NHXN, NPHH, Ngân hàng chiết khấu...khi các chủ thể này đã thực hiện thanh toán L/C một cách trung thực.

#### 2.1.3.7. Điều kiện để Tòa án giải quyết yêu cầu áp dụng biện pháp ngăn chặn

Để một yêu cầu đình chỉ thanh toán được Tòa án chấp thuận, Bên yêu cầu cần đảm bảo các điều kiện: (1) yêu cầu được gửi tới Tòa án có thẩm quyền; (2) Bên yêu cầu cung cấp được đầy đủ chứng cứ, thông tin theo quy định; (3) việc thanh toán L/C có thể gây thiệt hại không thể đền bù; (4) Bên yêu cầu đã cung cấp biện pháp bảo đảm và (5) không xảy ra các tình huống không thể đình chỉ thanh toán theo quy định. Các điều kiện này nhằm đảm bảo yêu cầu đình chỉ là chính đáng, xác thực.

#### 2.1.3.8. Trình tự, thủ tục áp dụng hoặc hủy bỏ lệnh ngừng thanh toán trong tranh chấp Thư tín dụng

Trình tự, thủ tục áp dụng hoặc hủy bỏ lệnh ngừng thanh toán được quy định khá chi tiết và cụ thể từ Điều 12 đến Điều 15 Bản Quy tắc xét xử của Tòa án tối cao Trung quốc.

#### 2.1.3.9. Các quy định khác

### 2.2. **Pháp luật về Thư tín dụng của Mỹ**

#### 2.2.1. Lý do lựa chọn nghiên cứu pháp luật về Thư tín dụng của Mỹ

Mặc dù không có những đặc điểm tương đồng với Việt Nam về lịch sử cũng như đường lối phát triển kinh tế nhưng Mỹ là quốc gia phát triển hoạt động ngoại thương từ rất sớm. Hiện nay, Mỹ cũng là một trong những đối tác lớn của Việt Nam trong hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa ở các lĩnh vực nông nghiệp, thủy hải sản, dệt may...

Bên cạnh đó, pháp luật Mỹ thuộc hệ thống pháp luật Common Law (hay còn gọi là Luật bất thành văn), xét xử chủ yếu dựa vào án lệ nhưng Mỹ vẫn đưa ra các quy định cụ thể về Thư tín

dụng tại Điều khoản 5 trong Bộ Luật thương mại thống nhất - đã cho thấy sự quan trọng và cần thiết của vấn đề này.

Do vậy, việc giới thiệu và phân tích Điều khoản về Thư tín dụng của Mỹ trong đề tài nghiên cứu có thể góp phần giúp các doanh nghiệp Việt Nam hiểu rõ hơn về cách thức thực hiện thanh toán L/C trong quá trình tiến hành giao dịch với các doanh nghiệp Mỹ, đồng thời các nhà làm luật Việt Nam có thể tham khảo trong quá trình xây dựng chính sách pháp luật về thanh toán L/C.

#### 2.2.2. *Khái quát các quy định pháp luật của Mỹ về Thư tín dụng*

Các quy định về Thư tín dụng lần đầu tiên được giới thiệu trong Bộ luật thương mại thống nhất Hoa Kỳ (UCC) vào năm 1952 sửa đổi lần thứ nhất năm 1995 tại Điều khoản 5 (từ §5-101 đến §5-118).

UCC đã đề cập chi tiết về giao dịch tín dụng chứng từ, quy định cụ thể quyền, nghĩa vụ của các bên liên quan. Bên cạnh đó, Điều khoản 5 của UCC đã bổ sung một số vấn đề mà UCP 500 chưa đề cập như định nghĩa các thuật ngữ; vấn đề gian lận, giả mạo trong thanh toán L/C... Nhìn chung, các quy định về Thư tín dụng của Mỹ tuân thủ khá chặt chẽ các nguyên tắc của UCP.

#### 2.2.3. *Các quy định cụ thể của pháp luật Mỹ về Thư tín dụng*

##### 2.2.3.1. Định nghĩa về Thư tín dụng

Theo UCC, Thư tín dụng là một cam kết rõ ràng của NHPH cho người thụ hưởng theo yêu cầu hoặc dựa trên tài khoản của người yêu cầu, để thanh toán cho một xuất trình hoặc chuyển giao các giá trị tương đương.

So với UCP 500, cách định nghĩa của UCC ngắn gọn, rõ ràng hơn. Phiên bản UCP 600 cũng giải thích về thuật ngữ Thư tín dụng tương tự như UCC của Mỹ nhưng bổ sung thêm nội dung Thư tín dụng là một cam kết chắc chắn và không hủy ngang của NHPH.

##### 2.2.3.2. Về phạm vi áp dụng

Theo Điều 5, UCC được áp dụng cho Thư tín dụng và một số quyền, nghĩa vụ phát sinh từ các giao dịch liên quan đến Thư tín dụng. Tuy nhiên, trừ một số điều khoản mang tính nguyên tắc, các bên tham gia không bắt buộc phải áp dụng các nội dung tại Điều 5 – UCC mà có thể thỏa thuận về việc áp dụng các quy định tương tự.

##### 2.2.3.3. Về các chủ thể tham gia quan hệ thanh toán bằng Thư tín dụng

Để tạo thuận lợi cho các bên trong quá trình thực hiện TTQT bằng Thư tín dụng, UCC đã đưa ra những định nghĩa cơ bản về các chủ thể tham gia quan hệ này. Đây là một trong những điểm tiến bộ của UCC so với UCP 500 (trong UCP 500 chưa có phần giải thích các thuật ngữ).

##### 2.2.3.4. Định nghĩa về các thuật ngữ khác trong UCC

Để làm rõ hơn các nội dung liên quan đến giao dịch L/C, tránh trường hợp có nhiều cách hiểu khác nhau về cùng một vấn đề, so với UCP 500, UCC đã bổ sung thêm các định nghĩa về chứng từ, về việc không thực hiện đúng thời hạn, về việc phát hành, xuất trình....

##### 2.2.3.5. Các hình thức thanh toán Thư tín dụng

Theo UCC, Thanh toán Thư tín dụng nghĩa là việc NHPH thực hiện trả tiền theo các cam kết trong Thư tín dụng hoặc chuyển giao một giá trị tương đương. Việc thanh toán có thể thực hiện bằng 3 hình thức: (1) trả tiền mặt, (2) chấp nhận hối phiếu và thanh toán vào ngày đến hạn nếu Thư tín dụng có quy định về việc chấp nhận hối phiếu hoặc (3) cam kết thực hiện nghĩa vụ trả chậm và

trả tiền khi đến hạn nếu Thư tín dụng có quy định về cam kết đó.

#### 2.2.3.6. Về tính độc lập của Thư tín dụng với Hợp đồng cơ sở và các thỏa thuận phát sinh ngoài Hợp đồng

Pháp luật Mỹ cũng thừa nhận nguyên tắc về tính độc lập của Thư tín dụng với Hợp đồng cơ sở và các thỏa thuận phát sinh ngoài Hợp đồng tại §5-103d. Theo đó, quyền và nghĩa vụ của NHPH đối với Người thụ hưởng hoặc NHđCD theo Thư tín dụng không phụ thuộc vào sự tồn tại, thực hiện hoặc không thực hiện Hợp đồng/các thỏa thuận phát sinh ngoài Hợp đồng.

#### 2.2.3.7. Về hình thức của Thư tín dụng và các văn bản liên quan

Pháp luật Mỹ không giới hạn về hình thức của Thư tín dụng cũng như hình thức thể hiện những thay đổi liên quan đến Thư tín dụng. Điều này sẽ tạo thuận lợi cho các bên tham gia giao dịch L/C có thể lựa chọn một hình thức phù hợp trong từng hoàn cảnh cụ thể. Tuy nhiên, quy định này cũng có thể bị lợi dụng để thực hiện các hành vi lừa đảo, gian lận khi các giao dịch không được thể hiện bằng một văn bản rõ ràng.

#### 2.2.3.8. Về thời hạn hiệu lực của Thư tín dụng

Các quy định về thời hạn hiệu lực của Thư tín dụng trong UCC và UCP có sự khác biệt nhất định. Trên thực tế, đây là nội dung rất quan trọng vì nó sẽ liên quan đến tính thanh khoản của một L/C. Nội dung này cần phải được xác định rõ ràng trong Thư tín dụng để đảm bảo quyền lợi cho người thụ hưởng.

#### 2.2.3.9. Quyền và nghĩa vụ của NHXN, NHđCD, NHTB

Các nội dung về quyền và nghĩa vụ của NHXN, NHđCD và NHTB trong UCC được quy định tương tự UCP.

#### 2.2.3.10. Quyền và nghĩa vụ của NHPH trong việc kiểm tra chứng từ xuất trình

Trên cơ sở các quy định của UCP 500, UCC đã xây dựng các quy định về quyền và nghĩa vụ của NHPH khi thực hiện kiểm tra các chứng từ xuất trình tại §5-108, cụ thể như sau:

- a. Trách nhiệm của NHPH
- b. Các trường hợp miễn trừ trách nhiệm của NHPH
- c. Quyền của NHPH

#### 2.2.3.11. Về cách thức xử lý khi xảy ra gian lận, giả mạo

Nội dung về gian lận, giả mạo được quy định tại §5-109 UCC bao gồm (1) các trường hợp NHPH vẫn có nghĩa vụ thực hiện thanh toán khi có gian lận, giả mạo và (2) các căn cứ để Tòa án ra quyết định/lệnh cấm/đình chỉ thanh toán đối với một NHPH khi có dấu hiệu gian lận, lừa đảo.

#### 2.2.3.12. Về các cam kết, bảo đảm của người thụ hưởng

Các quy định về cam kết, bảo đảm tại quy định này có thể được coi như nghĩa vụ, trách nhiệm của người thụ hưởng khi xuất trình bộ chứng từ.

#### 2.2.3.13. Về quyền được bồi thường của người thụ hưởng và những người có liên quan

Quy định này nhằm bảo vệ quyền lợi cho người thụ hưởng và những chủ thể có liên quan khi NHPH, NHTB, NHđCD có hành vi vi phạm các nghĩa vụ được đề cập tại Luật này

Nghĩa vụ bồi thường của NHPH, NHTB, NHđCD... đã được xác định tương đối đầy đủ và rõ ràng trong từng trường hợp cụ thể khi những chủ thể này vi phạm nghĩa vụ đã cam kết với Người thụ hưởng và các chủ thể có liên quan.



Số tiền phải bồi thường khi vi phạm nghĩa vụ cũng bao gồm cả số tiền lãi tính theo ngày xảy ra vi phạm (hoặc một ngày thích hợp khác) và chi phí hợp lý cho luật sư, cho vụ kiện...

Đây là một trong những nội dung chưa được đề cập trong UCP. Quy tắc xét xử trong Luật Trung Quốc cũng chưa đề cập đến nội dung này.

#### 2.2.3.14. Về việc chuyển nhượng Thư tín dụng

Điều khoản về chuyển nhượng Thư tín dụng trong UCC được quy định khá ngắn gọn, trong đó có dẫn chiếu tới việc áp dụng UCP. Việc chuyển nhượng Thư tín dụng được đề cập tại điều này không đơn thuần chỉ là việc chuyển nhượng hối phiếu hay chuyển nhượng quyền được hưởng lợi về số tiền, tài sản khác của Người thụ hưởng mà là sự dịch chuyển, chuyển nhượng hoặc chuyển giao quyền thực hiện các Điều khoản của Thư tín dụng.

#### 2.2.3.15. Quy định về Người thực hiện quyền thay thế Người thụ hưởng

Theo §5-113, một người thực hiện quyền thay thế Người thụ hưởng nếu muốn được hưởng đầy đủ quyền thụ hưởng từ NHPH phải tuân thủ các yêu cầu về việc chuyển giao hối phiếu theo pháp luật hiện hành, theo tiêu chuẩn thực hành và các thủ tục pháp lý khác được đề cập tại §5-108 để đảm bảo quyền lợi pháp lý cho NHPH.

Khi Người thụ hưởng thay đổi tên sau khi Thư tín dụng được phát hành thì sẽ có quyền và nghĩa vụ như một Người thực hiện quyền thay thế Người thụ hưởng.

#### 2.2.3.16. Quy định về việc chuyển nhượng tiền thu được

Điều khoản này đề cập đến nội dung chuyển nhượng khoản tiền thu được mà không phải là chuyển nhượng quyền thực hiện Tín dụng thư như được đề cập tại mục 2.2.3.14. Quy định này cũng được UCP 600 đề cập đến tại Điều 39, tuy nhiên, UCP chưa giải thích về cụm từ này.

Bảng điều khoản §5-114, UCC đã giải thích về việc chuyển nhượng tiền thu được và quy định chi tiết về phạm vi chuyển nhượng, số tiền chuyển nhượng, thời điểm chuyển nhượng...

#### 2.2.3.17. Vấn đề về thời hiệu khiếu nại, pháp luật và Tòa án

Theo quy định tại §5-115 thì thời hạn khiếu nại đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh liên quan đến Thư tín dụng là 1 năm kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của Thư tín dụng hoặc 1 năm sau khi vi phạm xảy ra (kể cả khi bên bị thiệt hại không nhận thức được về vi phạm), tùy thuộc vào sự kiện nào xảy ra muộn hơn.

Về pháp luật áp dụng, cũng giống như các quan hệ Hợp đồng khác, việc xác định trách nhiệm của NHPH, NHđCĐ hay NHTB do sự thỏa thuận lựa chọn của các bên và không lệ thuộc vào các giao dịch khác.

Trường hợp các bên không lựa chọn pháp luật điều chỉnh, trách nhiệm của NHPH, NHTB hoặc NHđCĐ sẽ được xác định theo Luật của Tòa án nơi mà những chủ thể này có trụ sở. Các chủ thể sẽ được xem xét về việc có trụ sở tại địa chỉ theo cam kết, thỏa thuận của họ. Nếu có nhiều hơn một địa chỉ được xác định, địa chỉ trụ sở của chủ thể đó sẽ được xem xét tại nơi mà các cam kết được phát hành. Chi nhánh của ngân hàng cũng được xem xét để xác định theo điều khoản này.

#### 2.2.3.18. Về việc thế quyền

Theo cách hiểu thông thường, thế quyền là việc một chủ thể sau khi đền bù cho một người sẽ được quyền thay người đó thực hiện các quyền của người đó đối với bên thứ ba.

Việc thế quyền của các NHPH, NHđCĐ...theo quy định này chỉ phát sinh khi NHPH đã

thanh toán theo Thư tín dụng; NHđCĐ chỉ được thế quyền theo nội dung tại điều khoản này khi đã trả tiền hoặc cung cấp các giá trị khác tương đương.

Nội dung này của UCC nhằm bảo vệ tối đa quyền lợi cho người đã thực hiện thanh toán theo một Hợp đồng dân sự, kinh tế nhất định. UCP và pháp luật Trung Quốc đều không đề cập đến nội dung này.

#### 2.2.3.19. Lợi ích được bảo đảm của NHPH và NHđCĐ

Một NHPH hoặc NHđCĐ sẽ có các lợi ích được bảo đảm đối với một tài liệu được trình bày theo một Thư tín dụng và bất kỳ một khoản tiền thu được nào từ tài sản bảo đảm mà NHPH hoặc NHđCĐ đã thanh toán hoặc cung cấp các giá trị tương đương cho xuất trình.

Trường hợp NHPH hoặc NHđCĐ không được hoàn trả hoặc không thu hồi lại được các giá trị đã cung cấp đối với quyền lợi được bảo đảm trên đây, quyền lợi bảo đảm sẽ được tiếp tục theo các quy định khác của UCC.

### 2.3. Nhận xét chung về pháp luật Thư tín dụng của Mỹ và Trung Quốc

Mặc dù Mỹ và Trung Quốc cùng có những quy phạm pháp luật riêng điều chỉnh phương thức thanh toán L/C nhưng nội dung và cách thức quy định của hai nước về vấn đề này có những điểm tương đồng và khác biệt nhất định.

Quy tắc xét xử của Trung Quốc và UCC của Mỹ đều đề cập đến một nội dung quan trọng, gây nhiều tranh cãi trong thực tế áp dụng mà UCP còn bỏ ngỏ đó là quy định về gian lận, lừa đảo và cách thức xử lý gian lận, lừa đảo trong thanh toán L/C.

Ngoài ra, Quy tắc xét xử của Trung Quốc đã cụ thể hóa được các vấn đề về việc xác định pháp luật áp dụng; nguyên tắc áp dụng; về việc xác định tính hợp lệ của chứng từ khi xuất trình; các thủ tục pháp lý trong quá trình giải quyết tranh chấp...

So với pháp luật Trung Quốc thì pháp luật Mỹ được xây dựng trên cơ sở các quy định của UCP 500, do đó đề cập đến nhiều nội dung hơn, không chỉ tập trung vào các nội dung giải quyết tranh chấp mà còn chứa đựng các nội dung liên quan về định nghĩa các thuật ngữ, quyền và nghĩa vụ các bên tham gia, quy trình và thời gian xử lý giao dịch, lựa chọn pháp luật, lựa chọn Tòa án, về việc chuyển nhượng Thư tín dụng, thế quyền... Hơn nữa, UCC của Mỹ cũng đã bổ sung, khắc phục được rất nhiều nhược điểm của UCP 500, một số điều khoản có nội dung tương tự như UCP 600 đang được áp dụng hiện nay. Qua đó, có thể thấy, mặc dù được biết đến là quốc gia nằm trong hệ thống pháp luật bất thành văn, chủ yếu xét xử dựa vào án lệ nhưng việc quy định cụ thể về phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng trong Luật thương mại thống nhất của Mỹ đã cho thấy sự quan trọng và cần thiết của vấn đề này.

Mặc dù vậy, các quy định về L/C của hai quốc gia này cũng bộc lộ những bất cập nhất định, cụ thể như sau:

Thứ nhất, về Bản quy tắc xét xử của Trung Quốc:

Một số nội dung còn quy định khá chung chung, chưa cụ thể, gây khó khăn cho các bên khi áp dụng: (1) Quy định về “những trường hợp lừa đảo L/C khác” tại Khoản d Điều 8 dễ dẫn tới sự tùy tiện khi áp dụng; (2) cũng liên quan đến việc xác định tính hợp lệ của chứng từ, cụm từ “không thể hiện là hoàn toàn phù hợp” chưa được quy định cụ thể. Điều 14 UCP 600 đã có quy định về sự không giống hệt về các dữ liệu, số liệu ghi trong chứng từ. Tuy nhiên, nếu theo quy định của pháp

luật Trung Quốc trong trường hợp này thì sự “không thể hiện là hoàn toàn phù hợp” lại chưa xác định được. Ngoài ra, quy định này đã phần nào mâu thuẫn với nguyên tắc xuất trình phù hợp trên bề mặt của Thư tín dụng chứng từ tại Điều 5 Quy định này.

Thứ hai, đối với Điều khoản về Thư tín dụng tại UCC của Mỹ.

Một số nội dung trong UCC có khác biệt so với phiên bản UCP 600. Đó là quy định các quy định về: (1) thời gian xử lý giao dịch, (2) thời hạn xuất trình của một thư tín dụng, (3) cách quy định về việc hủy ngang và không hủy ngang trong Thư tín dụng.

Tóm lại, thông qua việc tìm hiểu các quy định của pháp luật Trung Quốc và pháp luật Mỹ về thư tín dụng tại chương này, chúng ta có thể thấy được những điểm chung, điểm khác biệt trong cách quy định của pháp luật 02 quốc gia trên cơ sở so với tiêu chuẩn thực hành quốc tế UCP. Việc nắm bắt và hiểu rõ pháp luật của 02 quốc gia này sẽ giúp các ngân hàng và doanh nghiệp Việt Nam phòng ngừa được những rủi ro nếu có tranh chấp xảy ra. Bên cạnh đó, việc phân tích những điểm tiến bộ và mặt hạn chế trong Bản Quy tắc xét xử của Trung Quốc và Điều khoản về Thư tín dụng trong Bộ luật thương mại Mỹ sẽ có ý nghĩa quan trọng trong quá trình hoàn thiện pháp luật về Thư tín dụng của Việt Nam sẽ được đề cập tại chương 3 dưới đây.

## **CHƯƠNG 3: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ THƯ TÍN DỤNG VÀ MỘT SỐ KHUYẾN NGHỊ**

### **3.1. Thực trạng pháp luật Việt Nam về thanh toán bằng Thư tín dụng**

#### *3.1.1. Hoạt động thanh toán quốc tế ở Việt Nam*

Năm 1875, Ngân hàng Đông Dương, ngân hàng đầu tiên ở Việt Nam được thành lập. Tuy nhiên, trong suốt thời gian tồn tại, Ngân hàng Đông Dương chỉ được coi là nơi cất giữ, chuyển tiền cho ngân hàng mẹ ở Paris và phục vụ các nhu cầu tài chính của giới cầm quyền thực dân. Các hoạt động tín dụng, TTQT rất hạn chế. Cách mạng tháng 8 năm 1945 thành công, sáu năm sau, ngày 6-5-1951, Ngân hàng Quốc gia Việt Nam – nay là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được thành lập. Trong những năm đầu do đang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp nên chưa thực hiện TTQT. Sau hòa bình lập lại ở miền Bắc, kinh tế bắt đầu khôi phục và phát triển, quan hệ kinh tế đối ngoại được thiết lập với các nước (chủ yếu là các nước thuộc khu vực xã hội chủ nghĩa), nghiệp vụ TTQT hình thành nhưng chỉ tập trung vào các hoạt động chuyển tiền. Năm 1963, Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ra đời, chính thức đánh dấu sự ra đời và phát triển của các hoạt động ngân hàng quốc tế, trong đó có TTQT. Ở miền Nam từ năm 1954 đến 1975, dưới ách cai trị của đế quốc Mỹ, các ngân hàng cũng hoạt động TTQT hạn chế. Từ năm 1975 đến 1989, nước ta bị bao vây cấm vận, kinh tế suy thoái, khủng hoảng. Hoạt động kinh tế đối ngoại hầu như chỉ diễn ra với các nước XHCN, chủ yếu thanh toán bù trừ Clearing bằng rúp chuyển nhượng và chỉ do Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam độc quyền thực hiện. Đến Đại hội Đảng lần thứ VI đã đề ra đường lối đổi mới, trong đó kinh tế đối ngoại được chú trọng phát triển với khái niệm, “Việt Nam muốn làm bạn và là đối tác tin cậy với tất cả các nước”. Nhờ vậy từ năm 1990, kinh tế đối ngoại tăng trưởng mạnh [12].

Như vậy, hoạt động TTQT nói chung và phương thức Thanh toán bằng Thư tín dụng tại Việt Nam chỉ thực sự phát triển từ những năm 90 trở lại đây.

Cho đến nay, mặc dù thanh toán bằng L/C đã tương đối phổ biến nhưng so với các nước khác trên thế giới, tỷ lệ doanh nghiệp Việt Nam lựa chọn L/C là phương thức thanh toán khi xuất khẩu hàng hóa vẫn còn khá thấp. Do đó, để phương thức L/C được sử dụng rộng rãi, trở thành một trong những phương thức thanh toán phổ biến tại thị trường Việt Nam, việc hoàn thiện các chính sách pháp luật để khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng phương thức này trong thanh toán quốc tế là cần thiết.

#### *3.1.2. Pháp luật điều chỉnh phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng của Việt Nam*

##### *3.1.2.1. Pháp lệnh ngoại hối 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành*

Trong quá trình thực hiện nghiệp vụ L/C, thông thường, nếu người thụ hưởng xuất trình được bộ chứng từ phù hợp với Thư tín dụng thì ngân hàng có trách nhiệm chuyển tiền cho người thụ hưởng đó. Người thụ hưởng này thông thường là các đối tác nước ngoài, do đó, việc chuyển tiền của ngân hàng phải tuân thủ các quy định của pháp lệnh ngoại hối và các văn bản hướng dẫn thi hành nhằm góp phần thực hiện chính sách quản lý ngoại hối của Nhà nước.

##### *3.1.2.2. Nghị định số 64/2001/NĐ-CP ngày 20/9/2001 về hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán (sau đây gọi là Nghị định 64/2001/NĐ-CP).*

Nghị định này chỉ tập trung điều chỉnh các nội dung liên quan đến việc (1) Mở tài khoản, thực hiện dịch vụ thanh toán, tổ chức và tham gia các hệ thống thanh toán của tổ chức cung ứng

dịch vụ thanh toán; (2) Mở tài khoản, sử dụng dịch vụ thanh toán của người sử dụng dịch vụ thanh toán. Các nội dung cụ thể về các phương thức thanh toán, đặc biệt là thanh toán bằng L/C chưa được đề cập tại văn bản này.

3.1.2.3. Quy chế hoạt động thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán ban hành kèm theo Quyết định số 226/2002/QĐ-NHNN ngày 23/6/2002 (sau đây gọi là Quy chế 226).

Bên cạnh các quy định về mở tài khoản thanh toán, tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán, Quy chế này hướng dẫn chi tiết về việc sử dụng và thực hiện dịch vụ thanh toán bằng lệnh thanh toán, chứng từ thanh toán; quy định về phương tiện thanh toán, cung ứng phương tiện thanh toán, dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế, quyền và nghĩa vụ các bên tham gia dịch vụ thanh toán...

Khái niệm về Thư tín dụng tại Quy chế này hoàn toàn phù hợp với tinh thần của UCP, thậm chí, nó còn khá chi tiết và rõ ràng so với khái niệm trong UCP. Tuy nhiên, khái niệm này mới chỉ đề cập đến 2 hình thức thanh toán bằng Thư tín dụng, đó là (1) trả tiền ngay hoặc (2) trả tiền vào một thời điểm nhất định trong tương lai. Vẫn còn một hình thức thanh toán chưa được quy định đó là hình thức thanh toán bằng cách chấp nhận hối phiếu do Người thụ hưởng ký phát nếu tín dụng có giá trị thanh toán bằng hối phiếu.

3.1.2.4. Quy định thủ tục thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán ban hành kèm theo Quyết định số 1092/2002/QĐ-NHNN ngày 8/10/2002 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Quy định này điều chỉnh về thủ tục thanh toán qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán này quy định về trình tự lập, kiểm soát, luân chuyển, xử lý chứng từ và hạch toán các giao dịch thanh toán trong nước qua các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

Các thủ tục liên quan đến việc mở, thanh toán Thư tín dụng đối với các giao dịch thanh toán trong nước bằng Thư tín dụng được quy định tương đối chi tiết tại văn bản này. Mặc dù các quy định này không áp dụng với thanh toán quốc tế bằng L/C, tuy nhiên, có thể coi đây là nguồn tư liệu tham khảo quan trọng khi xây dựng các quy phạm pháp luật riêng về thanh toán quốc tế về L/C của Việt Nam.

3.1.2.5. Quy chế mở Thư tín dụng nhập hàng trả chậm ban hành kèm theo Quyết định số 711/2001/QĐ-NHNN ngày 25/1/2001 (Quyết định 711); được sửa đổi bởi Quyết định số 1233/2001/QĐ-NHNN ngày 26/9/2001

Theo Quyết định này thì thanh toán bằng thư tín dụng trả chậm là một phương thức thanh toán tín dụng chứng từ có kỳ hạn do ngân hàng thực hiện để phục vụ cho việc nhập khẩu hàng hoá của các doanh nghiệp. Quy định này cũng đề cập chi tiết về điều kiện, phạm vi thực hiện L/C trả chậm; về biện pháp bảo đảm khi mở L/C trả chậm; về mức phí đối với L/C trả chậm...

Mặc dù có những quy định tương đối cụ thể, chi tiết nhưng văn bản này chỉ áp dụng cho một loại L/C đặc thù đó là L/C trả chậm, trong khi trên thực tế hiện nay đã hình thành nhiều loại hình L/C khác nhau. Do đó, việc ban hành một văn bản pháp luật chung để điều chỉnh hoạt động thanh toán L/C là sẽ tạo nên một hành lang pháp lý chung, là cơ sở quan trọng để các bên áp dụng

và thực hiện.

### 3.1.2.6. Các quy định pháp luật nhằm giải quyết tranh chấp trong giao dịch thanh toán bằng Thư tín dụng

Hiện tại, pháp luật Việt Nam chưa có quy định riêng về việc giải quyết tranh chấp trong thanh toán L/C. Do đó, khi có tranh chấp xảy ra, Tòa án, Trọng tài và các bên thường áp dụng các quy định chung về giải quyết tranh chấp như Luật Dân sự, Luật Thương mại, Luật tố tụng dân sự và các quy định có liên quan khác.

Tuy nhiên, các quy định trên đây còn khá chung chung, và do nằm rải rác ở các văn bản khác nhau nên vẫn chưa đáp ứng nhu cầu giải quyết triệt để các tranh chấp liên quan đến Thư tín dụng trên thực tế.

Chính vì vậy, cần phải bổ sung, hoàn chỉnh các văn bản pháp luật và có các giải pháp phù hợp để giải quyết những vướng mắc trên đây, đồng thời tạo môi trường luật pháp đồng bộ, hoàn chỉnh cho hoạt động TTQT bằng Thư tín dụng.

### 3.1.3. Nguyên tắc áp dụng pháp luật quốc tế về Thư tín dụng trong các văn bản pháp luật Việt Nam

Trong quá trình hội nhập toàn cầu hiện nay, việc áp dụng các điều ước, tập quán quốc tế là một xu thế tất yếu, nhất là trong các lĩnh vực liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế.

Theo quy định hiện nay, nếu các bên tham gia thanh toán bằng Thư tín dụng thỏa thuận áp dụng UCP, ISBP hay các văn bản khác do Phòng thương mại quốc tế ICC ban hành thì các quy định của ICC sẽ được áp dụng. Đây là một trong những điều khoản đánh dấu sự công nhận về việc áp dụng các tập quán thương mại quốc tế do Phòng thương mại quốc tế ban hành trong thanh toán L/C của Việt Nam.

Việc ghi nhận nội dung này trong các văn bản pháp luật đã thể hiện tính rõ ràng, minh bạch của luật pháp Việt Nam, làm tăng sự tin tưởng của các đối tác nước ngoài với doanh nghiệp Việt Nam, từ đó góp phần thúc đẩy hoạt động thanh toán quốc tế nói chung và phương thức thanh toán bằng L/C nói riêng giữa các tổ chức tín dụng của Việt Nam với các đối tác nước ngoài.

### 3.1.4. Nhận xét chung về thực trạng pháp luật về thanh toán bằng Thư tín dụng của Việt Nam

Từ các phân tích trên đây, người viết nhận thấy thực trạng pháp luật về thanh toán L/C của Việt Nam có một số đặc trưng sau:

#### 3.1.4.1. Pháp luật về thanh toán L/C của Việt Nam ra đời muộn hơn so với các nước trên thế giới

Như đã đề cập tại mục 3.1.1, xuất phát từ hoàn cảnh lịch sử và điều kiện về kinh tế – xã hội mà hoạt động TTQT nói chung và phương thức Thanh toán bằng Thư tín dụng tại Việt Nam chỉ thực sự phát triển từ những năm 90 trở lại đây.

#### 3.1.4.2. Việt Nam chưa có quy định riêng điều chỉnh hình thức thanh toán quốc tế bằng L/C, các quy định pháp luật còn nằm rải rác, dàn trải ở nhiều văn bản khác nhau

Các quy định hiện hành về thanh toán L/C trong hệ thống pháp luật Việt Nam do nằm rải rác, dàn trải ở nhiều văn bản pháp lý khác nhau từ Luật, Nghị định đến Quyết định, Công văn... đã gây khó khăn cho việc theo dõi, áp dụng của các chủ thể tham gia giao dịch. Ngoài ra, các quy

phạm pháp luật vẫn còn chung chung; các nội dung cũng chưa chi tiết, cụ thể nên chưa thật sự bảo vệ được lợi ích hợp pháp của các doanh nghiệp Việt Nam khi lựa chọn phương thức L/C trong thanh toán quốc tế.

3.1.4.3. Vẫn còn thiếu các quy phạm pháp luật quan trọng, cần thiết để điều chỉnh hoạt động thanh toán L/C tại Việt Nam

Tại chương 2, người viết khi phân tích các quy phạm pháp luật của Mỹ và Trung Quốc về L/C đã đề cập đến một số nội dung mà các phiên bản UCP chưa quy định, đó là vấn đề về gian lận, giả mạo; cách thức xác định và xử lý trong trường hợp xảy ra gian lận, giả mạo...

Các quy phạm pháp luật về thanh toán L/C của Việt Nam cũng chưa quy định về vấn đề này. Đây là những nội dung gây nhiều tranh chấp trong thực tế áp dụng. Do đó, việc bổ sung những quy định này là cần thiết.

3.1.4.4. Các quy định về giải quyết tranh chấp về L/C còn chung chung, gây khó khăn trong việc áp dụng

Như đã phân tích trong phần 3.1.2.6, đối với một giao dịch tương đối phức tạp như L/C thì các quy định về giải quyết tranh chấp của pháp luật Việt Nam hiện nay vẫn còn chung chung và gây nhiều khó khăn trong việc áp dụng.

Trên cơ sở kinh nghiệm của các quốc gia lớn, có khối lượng xuất nhập khẩu khổng lồ như Mỹ và Trung Quốc, Việt Nam nên học tập để xây dựng các đường lối, chính sách phù hợp, góp phần phát triển nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng. Một trong những bước đi đầu tiên đó là xây dựng một văn bản pháp luật riêng về Thư tín dụng, đảm bảo sự thống nhất, đồng bộ, phù hợp với tập quán quốc tế cũng như hệ thống pháp luật Việt Nam.

Tóm lại, những văn bản pháp luật hiện hành về thanh toán L/C của Việt Nam có thể chưa đáp ứng được các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn và cần phải bổ sung, hoàn thiện thêm. Song đó là những văn bản mang tính nền tảng để giải quyết được những vấn đề cơ bản xoay quanh lĩnh vực hoạt động thanh toán bằng Thư tín dụng của Việt Nam đang diễn ra hiện nay.

**3.2. Một số khuyến nghị về việc hoàn thiện các quy định pháp luật về Thư tín dụng của Việt Nam trong thời gian tới**

3.2.1. *Sự cần thiết phải hoàn thiện pháp luật về Thư tín dụng tại Việt Nam*

3.2.1.1. Xuất phát từ xu thế phát triển chung của thế giới

Phương thức tín dụng chứng từ đã, đang và sẽ tiếp tục trở thành phương thức chủ yếu được sử dụng trong TTQT. Trên thế giới, một số quốc gia không có luật riêng về L/C thường dẫn chiếu đến việc áp dụng UCP. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, tùy thuộc hoàn cảnh cụ thể, Tòa án các nước này lại áp dụng các nguyên tắc khác nhau làm cho một trong các bên liên quan có thể bị thiệt hại nếu không lường trước được những nguyên tắc pháp lý mà Tòa án có thể áp dụng.

Đối với các nước có luật riêng về tín dụng chứng từ, các tình huống, sự kiện phát sinh đã được công khai thể hiện tại các văn bản pháp luật. Do đó, trong quá trình xét xử, Tòa án hoàn toàn dựa vào các quy định pháp luật này và các bên buộc phải chấp hành theo quy định. Như vậy, sự minh bạch, rõ ràng của pháp luật trong bất kỳ quan hệ nào luôn luôn và sẽ tạo điều kiện để các bên hiểu rõ những quyền hạn, trách nhiệm phải thực hiện, từ đó, hạn chế các tranh chấp, rủi ro có thể

xây ra. Vì vậy, việc ban hành văn bản riêng về tín dụng chứng từ sẽ là xu thế phát triển chung của thế giới, tạo điều kiện cho các giao dịch diễn ra nhanh chóng, thuận lợi và an toàn.

#### 3.2.1.2. Xuất phát từ những hạn chế của pháp luật hiện hành

Liên quan đến giao dịch TTQT bằng L/C, đã có một số văn bản pháp luật của Việt Nam đề cập đến vấn đề này đã được dẫn chiếu tại mục 3.1. Tuy nhiên, những nội dung được đề cập tương đối chung chung, chưa thực sự phù hợp với tình hình thực tế và vẫn còn thiếu một số quy định quan trọng.

Trong khi đó, hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế đang diễn ra hàng ngày với số lượng lớn và ngày càng phong phú về chủng loại hàng hóa, dịch vụ đã kéo theo phương thức thanh toán L/C cũng được sử dụng ngày càng rộng rãi và phát triển đa dạng hơn.

Việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam về tín dụng chứng từ, do đó, trở thành một nhu cầu khách quan, cần thiết để góp phần thúc đẩy tự do hóa thương mại, tiệm cận gần với những tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời, tạo nên một nền tảng pháp lý vững chắc, giúp cho các bên có thể tiến hành nghiệp vụ này một cách thuận lợi, an toàn và chính xác.

#### 3.2.2. *Những yêu cầu đặt ra trong việc hoàn thiện pháp luật về tín dụng chứng từ của Việt Nam*

##### 3.2.2.1. Bảo đảm tính thống nhất và phù hợp giữa các văn bản pháp luật

Thực tiễn đã chứng minh, sự quản lý của Nhà nước đối với bất kỳ hoạt động nào trong nền kinh tế chỉ được thực hiện và phát huy có hiệu quả dựa trên một nền tảng pháp luật vững chắc và trong một môi trường pháp lý thích hợp.

Tính phù hợp và thống nhất giữa các văn bản pháp luật về tín dụng chứng từ với các văn bản pháp luật có liên quan cần được xem xét, giải quyết trong mối quan hệ giữa pháp luật nói chung và pháp luật chuyên ngành trên các phương diện: sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các văn bản pháp luật.

Bên cạnh đó, tính phù hợp và tính thống nhất phải được thể hiện ngay trong nội tại các văn bản pháp luật về tín dụng chứng từ, tức là khi tiến hành xây dựng các văn bản cần đặt trong mối liên hệ, so sánh và tương quan với các văn bản hiện hành hoặc khi sửa đổi, bổ sung một văn bản cần lưu ý đến các điều khoản có liên quan trong các văn bản pháp luật khác để sửa đổi, bổ sung một cách đồng bộ.

##### 3.2.2.2. Đảm bảo sự tương thích với các nguyên tắc và thông lệ quốc tế, từng bước thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam

Điều này có nghĩa là cần phải nội luật được các nguyên tắc, thông lệ quốc tế của UCP để tạo nền tảng pháp lý cho các doanh nghiệp, các ngân hàng thực hiện cũng như đáp ứng nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

Không những thế, pháp luật về tín dụng chứng từ còn phải bảo đảm quyền kinh doanh của các doanh nghiệp, ngân hàng và các chủ thể kinh doanh khác theo các cam kết của Việt Nam với quốc tế, đặc biệt là các điều khoản về ngân hàng khi Việt Nam gia nhập WTO.

Quán triệt được yêu cầu này trong văn bản pháp luật về tín dụng chứng từ không chỉ thúc đẩy hoạt động TTQT mà còn có thể nâng cao uy tín của Việt Nam trên thị trường tài chính quốc tế.

##### 3.2.2.3. Quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nền kinh tế thị



trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Để pháp luật về TTQT nói chung và thanh toán bằng L/C nói riêng thực sự là công cụ cho Nhà nước quản lý và điều tiết nền kinh tế theo đúng định hướng đã đề ra, việc đổi mới và hoàn thiện pháp luật về thanh toán L/C cần được tiếp cận trên cơ sở các nguyên lý của kinh tế thị trường, đảm bảo tính minh bạch, để dự đoán trong chính sách thương mại, sự cạnh tranh lành mạnh trên thị trường quốc tế.

Mặt khác, để đạt được mục tiêu trong đề án phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 kèm theo Quyết định số 112/2006/QĐ-TTg ngày 24/05/2006 của Thủ tướng Chính phủ, pháp luật về tín dụng chứng từ cần phải đảm bảo sự hài hòa giữa bảo đảm an toàn hệ thống Ngân hàng và bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong hoạt động của các Ngân hàng thương mại.

3.2.3. *Một số khuyến nghị về việc hoàn thiện hệ thống pháp luật về tín dụng chứng từ tại Việt Nam*

3.2.3.1. Đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- a. Xây dựng và sớm ban hành một văn bản pháp luật riêng để điều chỉnh quan hệ thanh toán bằng Thư tín dụng
- b. Bổ sung các quy phạm pháp luật cần thiết để giải quyết một số vấn đề còn tồn tại

3.2.3.2. Đối với các ngân hàng thương mại

- a. Ban hành, bổ sung, hoàn chỉnh các quy chế, quy định, quy trình hướng dẫn nghiệp vụ thanh toán bằng L/C
- b. Xem xét, tập hợp các vấn đề phát sinh để đóng góp, hoàn thiện hệ thống pháp luật thanh toán L/C của Việt Nam và quốc tế

3.2.3.3. Đối với các doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Là những chủ thể thường xuyên tham gia hoạt động TTQT nói chung và thanh toán L/C nói riêng, các doanh nghiệp cần phải trang bị cho mình những kiến thức pháp luật cần thiết bao gồm cả pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế.

Bên cạnh đó, khi tham gia giao dịch, các doanh nghiệp cũng cần tìm hiểu về pháp luật về thanh toán L/C của các nước có luật riêng về vấn đề này như Mỹ và Trung Quốc để lường trước những hậu quả có thể phát sinh nếu tranh chấp xảy ra giữa doanh nghiệp và các chủ thể của quốc gia này.

Trong quá trình áp dụng pháp luật, nếu có vấn đề vướng mắc, các doanh nghiệp cần phải tổng hợp ý kiến gửi cơ quan có thẩm quyền để từng bước hoàn thiện pháp luật về vấn đề này.

## KẾT LUẬN

Như vậy, hoạt động TTQT nói chung và thanh toán bằng Thư tín dụng nói riêng đã được hình thành từ rất lâu nhưng do nhiều nguyên nhân mà phương thức thanh toán này chỉ thực sự phát triển vào những năm cuối thế kỷ 20 khi mà điều kiện kinh tế-xã hội, trình độ công nghệ thông tin, ... đã phát triển đến một mức độ nhất định.

Một trong những yếu tố quan trọng góp phần phát triển phương thức thanh toán L/C đó là các quy định pháp luật điều chỉnh phương thức thanh toán này. Trước khi UCP ra đời, phương thức thanh toán này vẫn còn khá mới mẻ và chưa được nhiều quốc gia biết đến. Tuy nhiên, khi Phòng thương mại quốc tế Paris ban hành ấn phẩm UCP đầu tiên thì một nền tảng pháp lý tương đối vững chắc được thiết lập đã tạo điều kiện cho L/C trở thành phương thức thanh toán được sử dụng phổ biến và có những ưu điểm vượt trội trong hoạt động ngoại thương. Qua đó, có thể thấy được tầm quan trọng của các quy tắc pháp lý đối với sự hình thành và phát triển một hoạt động kinh tế – xã hội nhất định.

Song song với sự tồn tại của hệ thống luật pháp quốc tế, để giải quyết những vướng mắc trong thực tế áp dụng L/C đồng thời bổ sung những khoảng trống mà pháp luật quốc tế chưa đề cập đến, một số quốc gia đã ban hành luật riêng điều chỉnh phương thức thanh toán bằng thư tín dụng, hai trong số quốc gia đó là Mỹ và Trung Quốc. Các quy định này nhanh chóng thu hút được sự chú ý của các chuyên gia pháp luật nghiên cứu về vấn đề này.

Thông qua chương 1, người viết muốn khái quát các vấn đề lý luận cơ bản liên quan đến việc thanh toán bằng Thư tín dụng. Sự hình thành các phương thức TTQT nói chung và TTQT bằng Thư tín dụng nói riêng; vai trò của TTQT; những ưu thế vượt trội của phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng; các mối quan hệ pháp lý; pháp luật điều chỉnh loại hình thanh toán L/C... đã lần lượt được đề cập tại chương này.

Nội dung được đề cập tại chương 1 đã góp phần làm sáng tỏ những quy định cụ thể về pháp luật Thư tín dụng của Mỹ, Trung Quốc được trình bày tại chương 2 của đề tài. Sau khi phân tích các quy định, tại mục 2.3 của chương 2, người viết đã tóm lược lại những điểm tiến bộ và hạn chế về pháp luật thanh toán L/C của 2 quốc gia này.

Trên cơ sở các vấn đề lý luận và sự phân tích các quy định của pháp luật Mỹ, Trung Quốc về tín dụng chứng từ tại Chương 1 và Chương 2, sang đến Chương 3, người viết tập trung phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam, từ đó đưa ra một vài khuyến nghị nhằm góp phần giải quyết các hạn chế đang tồn tại – một trong số các khuyến nghị đó là Việt Nam cần xây dựng một văn bản pháp lý riêng về thanh toán L/C. Có thể nói, cùng với UCP 600 và các phiên bản UCP trước đó, việc Việt Nam ban hành một văn bản pháp lý riêng về tín dụng chứng từ sẽ tạo nên một hành lang pháp lý đầy đủ, giúp các chủ thể vận dụng một cách hiệu quả và linh hoạt phương thức thanh toán bằng Thư tín dụng trong hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế. Từ đó, góp phần bảo vệ quyền và lợi ích của các doanh nghiệp Việt Nam, thúc đẩy sự phát triển hoạt động xuất nhập khẩu của Việt Nam nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung.

Tuy nhiên, những nhận định, đánh giá và đề xuất của Luận văn được thực hiện trên nền tảng kiến thức và quá trình nghiên cứu còn nhiều hạn chế của một người bước đầu nghiên cứu khoa học nên có thể đúng, có thể hợp lý hoặc cũng có thể còn một số điểm cần tiếp tục nghiên cứu, tranh

luyện. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy, cô, đồng nghiệp cũng như những nhà nghiên cứu khác để bản Luận văn có thể được hoàn thiện hơn.